

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số **259/QĐ-ĐHVHHN** ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Văn hoá Hà Nội

2. Mã trường: VHH

3. Địa chỉ: Số 418 Đường La Thành, P. Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: [www.huc.edu.vn](http://www.huc.edu.vn)

5. Địa chỉ trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

- [www.facebook.com/HUC1959](https://www.facebook.com/HUC1959)

- [www.facebook.com/daotaohuc](https://www.facebook.com/daotaohuc)

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02438511.971 (máy lẻ 104,103,102)

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5411/Ba-cong-khai>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1	Pháp luật	Đại học				
1.1	Luật	Đại học	80	89	68	79.6%
2	Nhân văn	Đại học				

2.1	Sáng tác văn học	Đại học	15	9	1	83.3%
2.2	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam	Đại học	65	92	20	72.2%
2.3	Ngôn ngữ Anh	Đại học	80	85	102	97.2%
2.4	Văn hoá học	Đại học	150	151	140	94.6%
2.5	Quản lý văn hoá	Đại học	300	264	217	95.3%
<b>3</b>	<b>Báo chí và thông tin</b>	<b>Đại học</b>				
3.1	Báo chí	Đại học	80	86	78	97%
3.2	Thông tin - thư viện	Đại học	45	35	14	88.9%
3.3	Quản lý thông tin	Đại học	55	59	32	100%
3.4	Bảo tàng học	Đại học	40	49	17	100%
3.5	Kinh doanh xuất bản phẩm	Đại học	70	79	65	93.2%
<b>4</b>	<b>Du lịch, khách sạn</b>	<b>Đại học</b>				
4.1	Du lịch	Đại học	390	405	369	95.9%
4.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại học	180	167	102	97.1%
	<b>Tổng</b>		<b>1550</b>	<b>1570</b>	<b>1225</b>	

## 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy năm 2022 và năm 2023

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5333/Tuyen-sinh>

### 8.1. Phương thức tuyển sinh năm 2022 và năm 2023

Trường tuyển sinh theo các phương thức sau:

- (1) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (2) Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT theo từng tổ hợp môn thi;
- (3) Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với quy định của trường;
- (4) Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu.

## 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Du lịch, khách sạn</b>							
<b>1.1</b>	<b>Ngành Du lịch</b>		<b>420</b>	<b>366</b>		<b>390</b>	<b>405</b>	
	- Chuyên ngành Văn hoá du lịch							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.00			25.41
		Học bạ THPT			27.50			24.30
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.00			24.41
		Học bạ THPT			26.50			23.42
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.00			24.41
	- Chuyên ngành Lữ hành - Hướng dẫn du lịch							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			27.00			25.80
		Học bạ THPT			28.50			25.82
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			26.00			24.80
		Học bạ THPT			27.50			24.94
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			26.00			24.80
	- Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế (Thang điểm 40)							
	Tổ hợp 1: D01	Điểm thi THPT			31.85			31.40
		Học bạ THPT			34.25			23.17
	Tổ hợp 2: D78	Điểm thi THPT			31.85			31.40
	Tổ hợp 3: D96	Điểm thi THPT			31.85			31.40
<b>1.2</b>	<b>Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</b>		<b>150</b>	<b>178</b>		<b>180</b>	<b>167</b>	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			27.50			26.50

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
		Học bạ THPT			30.50			26.61
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			26.50			25.50
		Học bạ THPT			29.50			25.73
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			26.50			25.50
<b>2.</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>							
<b>2.1</b>	<b>Ngành Luật</b>		<b>65</b>	<b>61</b>		<b>80</b>	<b>89</b>	
	Tổ hợp: C00	Điểm thi THPT			27.50			25.17
		Học bạ THPT			30.50			27.54
	Tổ hợp: D01	Điểm thi THPT			26.50			24.17
		Học bạ THPT			29.50			26.66
	Tổ hợp: D96	Điểm thi THPT			26.50			24.17
<b>3.</b>	<b>Lĩnh vực nhân văn</b>							
<b>3.1</b>	<b>Ngành Sáng tác văn học</b>							
	Tổ hợp: N00	Học bạ THPT kết hợp thi năng khiếu	<b>15</b>	<b>9</b>	19.50	<b>15</b>	<b>9</b>	18.50
<b>3.2</b>	<b>Ngành Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam</b>							
	<b>- Chuyên ngành Tổ chức và QLVH vùng DTTS</b>							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			23.45			21.70
		Học bạ THPT			22.00			20.64
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			22.45			20.70
		Học bạ THPT			21.00			19.76
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			22.45			20.70

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	- Chuyên ngành Tổ chức và QL Du lịch vùng DTTS							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			23.45			22.90
		Học bạ THPT			22.00			21.37
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			22.45			21.90
		Học bạ THPT			21.00			20.49
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			22.45			
<b>3.3</b>	<b>Ngành Ngôn ngữ Anh</b>		<b>80</b>	<b>77</b>		<b>80</b>	<b>85</b>	
	Tổ hợp 1: D01	Điểm thi THPT (thang điểm 40)			33.18			32.93
		Học bạ THPT			37.00			27.66
	Tổ hợp 2: D78	Điểm thi THPT (thang điểm 40)			33.18			32.93
	Tổ hợp 3: D96	Điểm thi THPT (thang điểm 40)			33.18			32.93
<b>3.4</b>	<b>Ngành Văn hoá học</b>		<b>150</b>	<b>150</b>		<b>150</b>	<b>151</b>	
	- Chuyên ngành Nghiên cứu văn hoá							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			25.20			24.63
		Học bạ THPT			26.00			23.65
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			24.20			23.63
		Học bạ THPT			25.00			22.77
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			24.20			23.63
	- Chuyên ngành Văn hoá truyền thông							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			27.00			26.18

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
		Học bạ THPT			30.00			27.49
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			26.00			25.18
		Học bạ THPT			29.00			26.61
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			26.00			25.18
<b>- Chuyên ngành Văn hoá đối ngoại</b>								
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.50			24.68
		Học bạ THPT			28.50			27.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.50			23.68
		Học bạ THPT			27.50			26.12
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.50			23.68
<b>3.5</b>	<b>Ngành Quản lý văn hoá</b>		<b>300</b>	<b>304</b>		<b>300</b>	<b>264</b>	
<b>- Chuyên ngành Chính sách văn hoá và QLNT</b>								
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			24.25			23.96
		Học bạ THPT			25.00			22.67
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			23.25			22.96
		Học bạ THPT			24.00			21.79
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			23.25			22.96
<b>- Chuyên ngành Quản lý di sản văn hoá</b>								
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			24.50			23.23
		Học bạ THPT			25.00			22.42
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			23.50			22.23

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
		Học bạ THPT			24.00			21.54
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			23.50			22.23
<b>- Chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật (Thang điểm 40)</b>								
	Tổ hợp 1: N00	Học bạ THPT kết hợp thi năng khiếu			28.40			18.25
<b>- Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hoá</b>								
	Tổ hợp 1: N05	Học bạ THPT kết hợp thi năng khiếu			22.50			18.50
	Tổ hợp 2: C00	Điểm thi THPT			26.75			26.13
		Học bạ THPT			29.25			27.30
	Tổ hợp 3: D01	Điểm thi THPT			25.75			25.13
		Học bạ THPT			28.25			27.30
<b>4.</b>	<b>Lĩnh vực Báo chí và thông tin</b>							
<b>4.1</b>	<b>Ngành Báo chí</b>		<b>80</b>	<b>84</b>		<b>80</b>	<b>86</b>	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			27.50			26.85
		Học bạ THPT			30.50			28.27
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			26.50			25.85
		Học bạ THPT			29.50			27.39
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			26.50			25.85
<b>4.2</b>	<b>Ngành Thông tin – Thư viện</b>		<b>45</b>	<b>33</b>		<b>45</b>	<b>35</b>	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			24.00			21.75

TH  
TI  
Đ  
VI  
T  
B

*(Handwritten signature)*

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
		Học bạ THPT			24.00			22.56
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			23.00			20.75
		Học bạ THPT			23.00			21.68
	Tổ hợp 3: D96	Điểm thi THPT			23.00			20.75
<b>4.3</b>	<b>Ngành Quản lý thông tin</b>		<b>55</b>	<b>59</b>		<b>55</b>	<b>59</b>	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.75			24.40
		Học bạ THPT			26.50			25.17
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.75			22.40
		Học bạ THPT			25.50			23.41
	Tổ hợp 3: A16	Điểm thi THPT			25.75			22.40
<b>4.4</b>	<b>Ngành Bảo tàng học</b>		<b>40</b>	<b>37</b>		<b>40</b>	<b>49</b>	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			22.75			22.83
		Học bạ THPT			23.00			21.64
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			21.75			21.83
		Học bạ THPT			22.00			20.76
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			21.75			
<b>4.5</b>	<b>Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm</b>		<b>70</b>	<b>67</b>		<b>70</b>	<b>79</b>	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			24.25			23.00
		Học bạ THPT			25.00			22.76
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			23.25			22.00



TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
		Học bạ THPT			24.00			21.88
	Tổ hợp 4: A00	Điểm thi THPT			23.25			22.00
		Học bạ THPT			24.00			21.88
	<b>Tổng</b>		<b>1535</b>	<b>1470</b>		<b>1550</b>	<b>1570</b>	

### 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5396/Cac-chuong-trinh-hoc>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	1906/QĐ-BGDĐT	29/05/2017	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2017
2	Bảo tàng học	7320305	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1978
3	Sáng tác văn học	7220110	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1980
4	Văn hoá học	7229040	3013/QĐ-BGDĐT	17/04/2009	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2009
5	Thông tin - thư viện	7320201	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1978
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1906/QĐ-BGDĐT	29/05/2017	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2017
7	Du lịch	7810101	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1991
8	Báo chí	7320101	1345/QĐ-BGDĐT	26/04/2016	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2016

9	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1978
10	Luật	7380101	1345/QĐ-BGDĐT	26/04/2016	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2016
11	Quản lý văn hoá	7229042	2963/QĐ-BGD&ĐT	31/05/2005	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2005
12	Quản lý thông tin	7320205	5459/QĐ-BGDĐT	25/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2011

### 10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5411/Ba-cong-khai>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5333/Tuyen-sinh>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5333/Tuyen-sinh>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

### 1. Tuyển sinh đại học chính quy

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT;
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của từng phương thức xét tuyển, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

#### 1.3. Phương thức tuyển sinh:

Năm 2024, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội tuyển sinh theo 5 phương thức

1.3.1. Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng theo Quy định trong Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Điều 8) - Mã phương thức xét tuyển: 301

1.3.2. *Phương thức 2 (PT2)*: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 - Mã phương thức xét tuyển: 100

- **Điểm xét tuyển** = Tổng điểm 3 bài thi/ môn thi theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có)

1.3.3. *Phương thức 3 (PT3)*: Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT - Mã phương thức: 200 (*Xét tuyển theo học bạ điện tử*)

- **Điểm xét tuyển** = (Điểm môn 1 lớp 10 + Điểm môn 1 lớp 11 + Điểm môn 1 lớp 12 + Điểm môn 2 lớp 10 + Điểm môn 2 lớp 11 + Điểm môn 2 lớp 12 + Điểm môn 3 lớp 10 + Điểm môn 3 lớp 11 + Điểm môn 3 lớp 12) /3+ Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó, điểm môn 1,2,3 tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký. Điểm ưu tiên (chỉ tính theo điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành)

1.3.4. *Phương thức 4 (PT4)*: Xét tuyển kết hợp học bạ THPT với quy định của Trường - Mã phương thức xét tuyển: 500 (*Xét tuyển sớm*)

- Phương thức này chỉ áp dụng đối với các thí sinh có điểm ưu tiên theo quy định của Trường.

- **Điểm xét tuyển** = (Điểm môn 1 lớp 10 + Điểm môn 1 lớp 11 + Điểm học kỳ 1 môn 1 lớp 12 + Điểm môn 2 lớp 10 + Điểm môn 2 lớp 11 + Điểm học kỳ 1 môn 2 lớp 12 + Điểm môn 3 lớp 10 + Điểm môn 3 lớp 11 + Điểm học kỳ 1 môn 3 lớp 12) /3+ Điểm ưu tiên.

Trong đó, điểm môn 1,2,3 tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký và lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Điểm ưu tiên bao gồm Điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Điểm ưu tiên theo quy định của Trường.

**Bảng quy đổi điểm ưu tiên theo quy định của Trường đối với từng đối tượng cụ thể:**

Đối tượng	Điều kiện	Điểm ưu tiên quy đổi
Đối tượng 01: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia ( <i>Giải khuyến khích trở lên</i> ) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển và Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	Giải nhất	10.00
	Giải nhì	9.00
	Giải ba	8.00
	Giải khuyến khích	7.00
Đối tượng 02: Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc tương đương ( <i>Cụ thể:</i>	IELTS: 8.0 - 9.0 TOEFL ITP: 650 - 677 TOEFL IBT: 110 - 120	10.00

TOEFL ITP từ 513 trở lên, TOEFL IBT từ 65 trở lên) và Chứng chỉ còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày dự thi.	IELTS: 7.5 TOEFL ITP: 610 - 649 TOEFL IBT: 102 - 109	9.00
	IELTS: 7.0 TOEFL ITP: 590 - 607 TOEFL IBT: 94 - 101	8.00
	IELTS: 6.5 TOEFL ITP: 571 - 589 TOEFL IBT: 79 - 93	7.00
	IELTS: 6.0 TOEFL ITP: 550 - 568 TOEFL IBT: 60 - 78	6.00
	IELTS: 5.5 TOEFL ITP: 500 - 549 TOEFL IBT: 46 - 59	5.00
	IELTS: 5.0 TOEFL ITP: 477 - 499 TOEFL IBT: 35 - 45	4.00
	Đối tượng 03: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố (Giải Ba trở lên) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp và Điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt từ Khá trở lên.	Giải nhất
Giải nhì		4.00
Giải ba		3.00
Đối tượng 04: Thí sinh là học sinh các trường chuyên trên toàn quốc với điều kiện môn học chuyên có trong tổ hợp xét tuyển và Điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt loại Khá trở lên.		4.00

**Lưu ý với đối tượng ưu tiên theo quy định của Trường:**

- Với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm ưu tiên áp dụng với các đối tượng 01, 03 và 04 khi thí sinh đạt giải học sinh giỏi môn Tiếng Anh hoặc là học sinh chuyên Anh.

- Thí sinh chỉ được hưởng 01 ưu tiên (theo quy định của Trường) cao nhất.

Ví dụ:

Tổ hợp xét tuyển C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

$C = (Văn10 + Văn11 + Văn12 + Sử10 + Sử 11 + Sử 12 + Địa10 + Địa11 + Địa12)/3$

h

Một thí sinh có tổng điểm học bạ của tổ hợp C00 là 26đ, thí sinh này ở KV1 (điểm ưu tiên là 0.75đ), đối tượng ưu tiên 01 (điểm ưu tiên là 2đ), thí sinh đạt giải 3 kỳ thi HSG cấp tỉnh (điểm ưu tiên 3đ) thì điểm ưu tiên khi xét tuyển sẽ được tính như sau:

$$ĐƯT = [(30-26)/7.5] \times (0.75+2+3) = 3.07$$

$$\text{Vậy tổng điểm xét tuyển của thí sinh là } ĐXT = 26 + 3.07 = 29.07$$

1.3.5. Phương thức 5 (PT5): Xét tuyển kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu - Mã phương thức xét tuyển: 406 (Xét tuyển sớm)

- Thí sinh đăng ký phương thức này phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

- **Điểm xét tuyển** = Điểm môn 1 x 2 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ Điểm môn 1 = Điểm thi môn Năng khiếu 1

+ Điểm môn 2 = Điểm thi môn Năng khiếu 2

+ Điểm môn 3 = (Điểm trung bình môn Ngữ Văn lớp 10 + Điểm trung bình môn Ngữ Văn lớp 11 + Điểm trung bình môn Ngữ Văn học kỳ 1 lớp 12)/3

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển

**Bảng quy đổi điểm ưu tiên đối với từng đối tượng cụ thể:**

\* Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Quản lý văn hoá, chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật, Tổ chức sự kiện văn hoá

<b>Đối tượng</b>	<b>Điều kiện</b>	<b>Điểm ưu tiên quy đổi</b>
<b>Đối tượng 01:</b> Thí sinh có năng khiếu nghệ thuật đạt giải cá nhân chính thức (Giải Ba trở lên) trong các cuộc thi nghệ thuật cấp Tỉnh, Thành phố trở lên; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	<b>Giải Nhất</b>	<b>5.00</b>
	<b>Giải Nhì</b>	<b>4.00</b>
	<b>Giải Ba</b>	<b>3.00</b>
<b>Đối tượng 02:</b> Thí sinh đã tốt nghiệp các trường Trung cấp hoặc Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật thuộc các ngành về ca, múa, nhạc đạt loại Khá trở lên.		<b>6.00</b>
<b>Đối tượng 03:</b> Thí sinh có năng khiếu nghệ thuật thi đỗ vào vòng chung kết xếp hạng các cuộc thi tìm kiếm tài năng nghệ thuật do các đài truyền hình, đài phát thanh các tỉnh, thành phố và Trung ương tổ chức và đạt giải; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	<b>Giải Nhất</b>	<b>5.00</b>
	<b>Giải Nhì</b>	<b>4.00</b>
	<b>Giải Ba</b>	<b>3.00</b>

**\*Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Sáng tác văn học**

<b>Loại đối tượng ưu tiên</b>	<b>Điểm ưu tiên quy đổi</b>
Đạt một trong các điều kiện sau: + Đạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố môn Ngữ văn. + Đạt giải trong các cuộc thi sáng tác văn học của các Hội Văn học nghệ thuật, các tạp chí địa phương; các cuộc vận động sáng tác của ban, ngành, đoàn thể, tổ chức cơ quan báo chí truyền thông của trung ương; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	<b>7.00</b>
Đạt một trong các điều kiện sau: + Đạt giải Ba, Khuyến khích trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố môn Ngữ văn; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. + Có tác phẩm đã đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành về văn học nghệ thuật và được Hội đồng tuyển sinh Trường đánh giá đạt chất lượng tốt. + Có tác phẩm văn học đã xuất bản được Hội đồng tuyển sinh Trường đánh giá có chất lượng tốt hoặc có triển vọng.	<b>5.00</b>

**Chú ý:**

Sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Nhà trường sẽ tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu. Kết quả của các môn thi năng khiếu sẽ kết hợp với điểm trung bình cộng môn Ngữ Văn (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) để xét tuyển theo ngành, chuyên ngành thí sinh đã đăng ký.

**1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành và theo từng phương thức xét tuyển.

Tổng chỉ tiêu xét tuyển năm 2024 là 1850. Nhà trường phân bổ chỉ tiêu theo các phương thức như sau:

- Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: 65% chỉ tiêu
- Phương thức xét học bạ THPT: 15% chỉ tiêu
- Các phương thức khác: 20% chỉ tiêu

(Trong trường hợp xét tuyển các phương thức khác chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT).

TT	Mã ngành/ chuyên ngành xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Các tổ hợp xét tuyển
1	7810101	Du lịch			
1.1	7810101A	CN: Văn hóa du lịch	PT1, PT2, PT3, PT4	170	C00, D01, D09, D15
1.2	7810101B	CN: Lữ hành, hướng dẫn du lịch	PT1, PT2, PT3, PT4	120	C00, D01, D09, D15
1.3	7810101C	CN: Hướng dẫn du lịch quốc tế	PT1, PT2, PT3, PT4	110	C00, D01, D09, D15
2	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			
2.1	7810103A	CN: Quản trị kinh doanh du lịch	PT1, PT2, PT3, PT4	180	C00, D01, D09, D15
2.2	7810103B	CN: Quản trị du lịch cộng đồng	PT1, PT2, PT3, PT4	80	C00, D01, D09, D15
3	7320101	Báo chí	PT1, PT2, PT3, PT4	120	C00, D01, D09, C19
4	7320305	Bảo tàng học	PT1, PT2, PT3, PT4	50	C00, D01, D14, C19
5	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	PT1, PT2, PT3, PT4	90	C00, D01, D09, D15
6	7320201	Thông tin - Thư viện			
6.1	7320201A	CN: Quản trị thư viện	PT1, PT2, PT3, PT4	50	C00, D01, D09, D15
6.2	7320201B	CN: Thư viện và thiết bị trường học	PT1, PT2, PT3, PT4	50	C00, D01, D09, D15
7	7320205	Quản lý thông tin	PT1, PT2, PT3, PT4	90	C00, D01, D09, D15
8	7380101	Luật	PT1, PT2, PT3, PT4	80	C00, D01, D09, C19
9	7220110	Sáng tác văn học	PT5	15	N00
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	PT1, PT2, PT3, PT4	100	D01, D09, D14, D15
11	7229040	Văn hóa học			
11.1	7229040A	CN: Nghiên cứu văn hóa	PT1, PT2, PT3, PT4	50	C00, D01, D09, D15

11.2	7229040B	CN: Văn hóa truyền thông	PT1, PT2, PT3, PT4	110	C00, D01, D09, D15
11.3	7229040C	CN: Văn hóa đối ngoại	PT1, PT2, PT3, PT4	50	C00, D01, D09, D15
12	7229042	Quản lý văn hóa			
12.1	7229042A	CN: Chính sách văn hóa và quản lý nghệ thuật	PT1, PT2, PT3, PT4	170	C00, D01, D09, C19
12.2	7229042B	CN: Quản lý di sản văn hóa	PT1, PT2, PT3, PT4	60	C00, D01, D14, C19
12.3	7229042C	CN: Biểu diễn nghệ thuật	PT5	35	N00
12.4	7229042D	CN: Tổ chức sự kiện văn hóa	PT1, PT2, PT4, PT5	70	C00, D01, D09, N05

**Ghi chú:**

Các tổ hợp xét tuyển năm 2024:

- C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
- D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
- D09: Toán, Ngữ văn, Lịch sử
- D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
- D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
- C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
- N00 (Biểu diễn nghệ thuật): Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa), Năng khiếu 2 (Thẩm âm, Tiết tấu).
- N00 (Sáng tác văn học): Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Sáng tác tác phẩm), Năng khiếu 2 (Phỏng vấn).
- N05 (Tổ chức sự kiện văn hoá): Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Tiểu phẩm sân khấu), Năng khiếu 2 (Xây dựng kịch bản sự kiện).

**1.5. Ngưỡng đầu vào**

**1.5.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024**

- Thí sinh có kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2024, tổ hợp thi và đăng ký xét tuyển vào Trường đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 15 điểm trở lên (tính 03 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển) và không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.0 điểm trở xuống.



- Ngành Du lịch (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế) và ngành Ngôn ngữ Anh: môn Tiếng Anh phải đạt điều kiện từ 6.0 điểm trở lên trong kỳ thi THPT năm 2024. Môn Tiếng Anh trong các tổ hợp xét tuyển nhân hệ số 2 và xét tuyển theo thang điểm 40. Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn thi trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

#### *1.5.2. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT*

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển vào tất cả các ngành, chuyên ngành (trừ các ngành/ chuyên ngành thi năng khiếu) của Trường với điều kiện điểm trung bình cộng từng môn (điểm trung bình lớp 10, lớp 11 và lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 6.0 trở lên.

- Ngành Du lịch (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế) và ngành Ngôn ngữ Anh: điểm trung bình môn Tiếng Anh phải đạt điều kiện từ 7.0 điểm trở lên (điểm trung bình lớp 10, lớp 11 và lớp 12). Môn Tiếng Anh trong các tổ hợp xét tuyển nhân hệ số 2 và xét tuyển theo thang điểm 40. Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn xét tuyển trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

#### *1.5.3. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của Trường*

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển vào tất cả các ngành, chuyên ngành (trừ các ngành/ chuyên ngành thi năng khiếu) của Trường với điều kiện điểm trung bình cộng từng môn (điểm trung bình lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 6.0 trở lên.

- Ngành Du lịch (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế) và ngành Ngôn ngữ Anh: Môn Tiếng Anh trong các tổ hợp xét tuyển nhân hệ số 2 và xét tuyển theo thang điểm 40. Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn thi trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

#### *1.5.4. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu*

- Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành, chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu N00, N05 (Ngành Sáng tác văn học; chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật, chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa thuộc ngành Quản lý văn hóa) và đủ điều kiện điểm trung bình môn Ngữ văn (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) phải đạt từ 5.0 trở lên.

- Đối với chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật thuộc ngành Quản lý văn hoá: Môn Năng khiếu 1 trong tổ hợp xét tuyển N00 phải đạt từ 7.0 điểm trở lên (khi chưa nhân hệ số 2).

- Đối với chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật thuộc ngành Quản lý văn hoá: Môn Năng khiếu 1 trong tổ hợp xét tuyển N00 nhân hệ số 2 và xét tuyển theo thang điểm 40. Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn xét tuyển trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

### **1.6. Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp**

- Trường Đại học Văn hóa Hà Nội quy định điểm chênh giữa tổ hợp C00 cao hơn các tổ hợp khác là 01 điểm.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Nhà trường sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (Nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

**1.7. Tổ chức tuyển sinh:** Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

**1.7.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (PT2) và phương thức xét học bạ THPT (PT3)**

Với thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT: Thí sinh **đăng ký trực tuyến** trên hệ thống của Bộ GD&ĐT. Cụ thể:

- Dự kiến từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 25/7/2024: Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (không giới hạn số lần) trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT;

- Dự kiến từ 28/7 đến 17 giờ 00 ngày 03/8/2024: Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;

- Dự kiến từ 07/8/2023 đến 17 giờ 00 ngày 12/8/2024: Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1;

- Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 14/8/2024: Nhà trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1;

- Dự kiến trước 17h ngày 18/8/2024: Thí sinh hoàn thành xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống.

**1.7.2. Phương thức xét kết hợp học bạ THPT với quy định của Trường**

**1.7.2.1. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT vào trường từ 8/5 đến 10/6.

**1.7.2.2. Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển**

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);

(2) Bản photocopy căn cước công dân;

(3) Bản photo công chứng học bạ THPT;

(4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2023 trở về trước;

(5) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng).

### 1.7.2.3. Phương thức nộp hồ sơ

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 đường La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội (Trước ngày 10/06/2024).

### 1.7.2.4. Lưu ý:

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành khác nhau không hạn chế số lượng theo mẫu quy định của Trường, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận đủ điều kiện trúng tuyển nguyện vọng cao nhất.

Thí sinh đã đăng ký xét tuyển theo phương thức xét học bạ kết hợp và nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển **phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống** (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Thí sinh nên ưu tiên nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển lên nguyện vọng cao nhất (nguyện vọng 1).

Nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhưng không đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD & ĐT thì coi như từ chối xét tuyển.

### 1.7.3. Phương thức xét kết hợp học bạ THPT với điểm thi năng khiếu

#### 1.7.3.1. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT vào trường từ 8/5 đến 10/6.

#### 1.7.3.2. Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển

- (1) Phiếu đăng ký dự thi và xét tuyển (theo mẫu của Trường);
- (2) Bản photocopy căn cước công dân;
- (3) Bản photo công chứng học bạ THPT;
- (4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2023 trở về trước;
- (5) Đối với thí sinh ngành Sáng tác văn học: Tác phẩm dự tuyển (tối thiểu 01 tác phẩm) ứng với một trong các thể loại sau: Thơ; truyện ngắn, ký, tản văn, tùy bút; tiểu thuyết, trường ca, kịch; tiểu luận, nghiên cứu - phê bình văn học, dịch thuật văn học.
- (6) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng).

### 1.7.3.3. Phương thức nộp hồ sơ

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội (Trước ngày 10/06/2024).

### 1.7.3.4. Lưu ý:

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành khác nhau không hạn chế số lượng theo mẫu quy định của Trường, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận đủ điều kiện trúng tuyển nguyện vọng cao nhất.

Thí sinh đã đăng ký xét tuyển theo phương thức xét học bạ kết hợp và nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển **phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống** (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Thí sinh nên ưu tiên nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển lên nguyện vọng cao nhất (nguyện vọng 1).

Nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhưng không đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD & ĐT thì coi như từ chối xét tuyển.

### 1.7.3.5. Quy trình thi năng khiếu

Sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Trường sẽ tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu. Kết quả của các môn thi năng khiếu sẽ kết hợp với điểm trung bình cộng môn Ngữ văn để xét tuyển theo ngành, chuyên ngành thí sinh đã đăng ký.

Điểm trung bình môn ngữ văn = (Điểm môn Ngữ văn lớp 10 + Điểm môn Ngữ Văn lớp 11+ Điểm môn Ngữ văn học kỳ 1 lớp 12)/3.

#### **Ngành Quản lý văn hóa**

- Thời gian dự kiến thi năng khiếu: ngày 03/07 – 05/07/2024.

\* *Chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật:*

Tổ hợp N00 (Ngữ văn-Năng khiếu 1-Năng khiếu 2)

+ Môn Năng khiếu 1: Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa,

+ Môn Năng khiếu 2: Thẩm âm, tiết tấu.

\* *Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa:*

Tổ hợp N05 (Ngữ văn-Năng khiếu 1-Năng khiếu 2):

+ Môn Năng khiếu 1: Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Tiểu phẩm sân khấu.

+ Môn Năng khiếu 2: Xây dựng kịch bản sự kiện.

### **Ngành Sáng tác văn học**

- Thời gian dự kiến thi năng khiếu: ngày 03/07 – 05/07/2024.

+ Môn Năng khiếu 1: Sáng tác tác phẩm theo chủ đề thuộc một trong các thể loại trên trong thời gian 3 tiếng;

+ Môn Năng khiếu 2: Phỏng vấn trực tiếp về các tác phẩm đã nộp; quan niệm văn chương và những hiểu biết về đời sống văn học hiện nay.

**1.8. Chính sách ưu tiên:** Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành và Hướng dẫn xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.**

*1.9.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và xét học bạ THPT*

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

*1.9.2. Phương thức xét kết hợp học bạ THPT với quy định của Trường*

Lệ phí: 30.000đ/ nguyện vọng

Đối với thí sinh không nộp trực tiếp tại Trường, thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 21210000556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CMND

Sau đó, thí sinh gửi biên lai chuyển khoản kèm theo hồ sơ gửi qua chuyển phát nhanh.

*1.9.3. Phương thức xét kết hợp học bạ THPT với điểm thi năng khiếu*

Lệ phí: 350.000đ/ ngành (chuyên ngành)

Đối với thí sinh không nộp trực tiếp tại Trường, Thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 21210000556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CMND

Sau đó, thí sinh gửi biên lai chuyển khoản kèm theo hồ sơ gửi qua chuyển phát.

**1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)**

Trường áp dụng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, dự kiến năm học 2023-2024, học phí đối với sinh viên ĐHCQ là 384.000/01 tín chỉ.

Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Thực hiện theo Nghị định 97/NĐ-CP của Chính phủ.

**1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm**

Đợt 1: Từ tháng 5/2024 đến hết tháng 9/2024;

Đợt 2: Sẽ thông báo sau nếu đợt 1 chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

**1.12. Các nội dung khác**

**LIÊN HỆ VÀ HỖ TRỢ TUYỂN SINH**

(1) Website Trường: [www.huc.edu.vn](http://www.huc.edu.vn)

(2) Trang Tuyển sinh của Trường: [www.tuyensinh.huc.edu.vn](http://www.tuyensinh.huc.edu.vn)

(3) Facebook Trường Đại học Văn hoá Hà

Nội: [www.facebook.com/huc1959](https://www.facebook.com/huc1959)

(4) Facebook Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT:

[www.facebook.com/daotaohuc](https://www.facebook.com/daotaohuc)

(5) Địa chỉ: Số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(6) Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc, tư vấn tuyển sinh:

- Điện thoại: 02438511971, Máy lẻ 103,104, 153, 433

- Email: [tuvantuyensinh@huc.edu.vn](mailto:tuvantuyensinh@huc.edu.vn) hoặc [tuyensinh@huc.edu.vn](mailto:tuyensinh@huc.edu.vn)

- Tư vấn trực tuyến qua zalo: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Hoặc quét mã QA



### **1.13. Tài chính**

1.13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 91.754.819.155đ

1.13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 12.000.000đ/ 1 sinh viên/1 năm

### **III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5379/Tuyen-sinh-Vua-lam-vua-hoc>

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2024

#### **Cán bộ kê khai**

Họ tên: Nguyễn Thị Hoài Vân

Email: [vanth@huc.edu.vn](mailto:vanth@huc.edu.vn)

HIỆU TRƯỞNG 



**PGS.TS. Phạm Thị Thu Hương**

